

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HS-ST

Ngày: 21-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nam Lương

Ông Đinh Văn Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2022/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2022 và Thông báo về việc hoãn phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thẩm số: 71/TB-TA ngày 15 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Võ Đức T, sinh ngày: 10/01/1996 tại R, Khánh Hòa. Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố HD, phường CPB, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Nghề Nghiệp: Nhân viên giao hàng. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Công giáo. Văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Cha: Võ Thanh L (đã chết). Mẹ: Đoàn Thị Thanh H, sinh năm: 1966. Vợ: Hồ Thị Kim U, sinh năm: 1994. Con: Có 01 con, sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt từ ngày 12/01/2022. (Có mặt).

- Bị hại:

+ Chị Huỳnh Kim A, sinh năm: 1996; Nơi cư trú: Tổ dân phố Hòa Thuận, phường Cam Nghĩa, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P. Địa chỉ trụ sở: Lô 95, đường C, phường I, thành phố G, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Trung F, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Tấn Ê, sinh năm: 1982; Địa chỉ liên hệ: Q, phường I, thành phố G, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy ủy quyền số: 0607/2022/GUQ-TPNT ngày 06/7/2022. (Ông Tiên có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đoàn Thị Thanh H, sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Tổ dân phố HD, phường CPB, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

+ Anh Võ Thanh S, sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Tổ dân phố HD, phường CPB, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

(Bà H, anh S có mặt)

- Người làm chứng:

+ Chị Phan Thị Đ, sinh năm: 1996; Nơi cư trú: Tổ dân phố TL, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

+ Chị Huỳnh Thị O, sinh năm: 1991; Nơi cư trú: Tổ dân phố HP, phường CN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

+ Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Thôn QH, xã CTN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

(Tất cả người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Võ Đức T và Huỳnh Kim A có mối quan hệ là bạn bè. Vào khoảng đầu năm 2018, T, A và một số người bạn khác cùng nhau thuê nhà trọ tại G ở để học đại học.

Trong thời gian thuê nhà trọ ở cùng, T đã lén đặt điện thoại tại phòng tắm quay lén A tắm trong 03 ngày liên tiếp để xem. Sau đó điện thoại bị hỏng nên T tải lưu trên địa chỉ Email.

Đến ngày 07/11/2021, T mở Email thấy video này đang còn nên nảy sinh ý định sử dụng hình ảnh này để ép buộc A đưa tiền cho mình để trả nợ.

Khoảng 18 giờ ngày 09/11/2021, T sử dụng điện thoại di động của mẹ là bà Đoàn Thị Thanh H và số sim điện thoại 0347984448 của Tập zalo tên “Huỳnh K A. Sau đó, T sử dụng zalo này gửi 07 hình ảnh khỏa thân của A đến zalo của Ánh tên “Huỳnh K A” kèm theo nội dung yêu cầu A phải chuyển 40.000.000 đồng vào số tài khoản 0581000791046 của Phan Thị Đ, trong đó phải chuyển 10.000.000 đồng trước 07 giờ sáng ngày 10/11/2021 và 30.000.000 đồng trước 17 giờ ngày 10/11/2021, nếu không chuyển tiền sẽ đăng hết video khỏa thân của A lúc tắm lên mạng xã hội Facebook.

Đến sáng ngày 10/11/2021, thấy A chưa chuyển tiền nên T tiếp tục nhắn tin đe dọa A nên A báo Công an.

Đến khoảng 00 giờ ngày 11/01/2022, T đến Bru cục J&T CPN thuộc Công ty TNHH MTV P - chi nhánh G ở tổ dân phố TL, phường CT, thành phố R để trộm cắp tài sản (T là nhân viên giao hàng của công ty). Tại đây, T lấy trộm số tiền 280.000 đồng và 03 gói hàng có chứa 18 điện thoại di động còn nguyên kiện trong 03 hộp gồm: 03 điện thoại OPPO A15S màu đen, 03 điện thoại OPPO A15S màu xanh, 05 điện thoại Realme C11 2021 màu xám khói, 02 điện thoại Realme 9i màu thạch anh xanh, 02 điện thoại Realme 9i màu thạch anh đen, 03 điện thoại Realme C11 2021 màu xanh biển.

Sau đó, T để 03 hộp có chứa 18 điện thoại di động vào 01 bao tải cất giấu tại khu vực nghĩa địa phường CPN.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, T lấy 18 điện thoại di động về cất giấu tại nhà ở tổ dân phố HD, phường CPB, thành phố R thì bị phát hiện, thu giữ được 18 điện thoại di động.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/HĐĐG ngày 13/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố R kết luận: 18 điện thoại di động trên trị giá 62.933.500 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 22/HĐĐG ngày 28/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố R kết luận: 03 thùng giấy và 01 bao tải, trị giá: 12.400 đồng.

Đối với Đoàn Thị Thanh H có hành vi cho Võ Đức T mượn điện thoại di động OPPO F7 nhưng không biết Tsử dụng để nhắn tin đe dọa A nhằm chiếm đoạt tài sản nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Phan Thị Đ có hành vi đồng ý cho Võ Đức T mượn số tài khoản của mình để Tsử dụng nhưng không biết Tsử dụng vào mục đích phạm tội nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Huỳnh Thị O cho T mượn chùm chìa khóa trong đó có chìa khóa cửa của Bưu cục nhưng không biết Tsao chép chìa khóa để mở cửa trộm cắp tài sản nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Võ Thanh S không biết Võ Đức T sử dụng xe mô tô 79C1-003.94 để trộm cắp tài sản nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKSCR-HS ngày 30/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R đã truy tố bị cáo T về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo T về điều khoản như trên của bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trọng; xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 02 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Huỳnh Kim A không yêu cầu bồi thường thiệt hại và đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P-chỉ nhánh G đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bà Đoàn Thị Thanh H 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đỏ, số IMEI 1: 86960433507897, số IMEI 2: 861604033507889, gắn thẻ sim số thuê bao 0332236753 (tại thời điểm giao nhận điện thoại đã cũ và đã qua sử dụng, máy không khởi động được nên không kiểm tra tình trạng bên trong máy, số IMEI và số thuê bao); tịch thu và tiêu hủy 02 (hai) chiếc chìa khóa có đặc điểm giống nhau, hiệu “HONGDA” bằng kim loại.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo ăn năn hối hận vì đã gây ra hành vi vi phạm pháp luật nên đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại Huỳnh Kim A và tất cả các người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, bị hại A và tất cả các người làm chứng đã có lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ và thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Trong hồ sơ và tại phiên tòa, bị cáo Võ Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của các người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Khoảng 18 giờ ngày 09/11/2021, tại nhà Võ Đức T ở tổ dân phố HD, phường CPB, thành phố R; T có hành vi sử dụng hình ảnh khoả thân của Huỳnh Kim A gửi đến zalo của A đe dọa A phải chuyển 40.000.000 đồng vào số tài khoản cho T, nếu không chuyển tiền sẽ đăng hết video khoả thân của A lúc tắm lên mạng xã hội Facebook.

Đến khoảng 00 giờ ngày 11/01/2022, tại Bưu cục J&T CPN thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P - chi nhánh G ở tổ dân phố TL, phường CT, thành phố R; Võ Đức T có hành vi trộm cắp 280.000 đồng, 18 điện thoại di động được đựng trong 03 thùng giấy, 01 bao tải. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 63.225.900 đồng.

Hành vi của bị cáo T có đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam với tình tiết định khung hình phạt là “c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”. Do đó, cáo trạng số 54/CT-VKSCR-HS ngày 31/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R truy tố bị cáo T về điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo T là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền quản lý tài sản của người khác, xâm phạm đến nhân thân của người khác là những khách thể quan T được Luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tinh thần của bị hại, gây hoang mang lo lắng và tâm lý hoài nghi lẫn nhau trong cộng đồng dân cư, gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần phải xử lý bị cáo nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong hồ sơ và tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại Huỳnh Kim A và tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn

một thành viên P-chi nhánh G; bản thân bị cáo từng tham gia nghĩa vụ quân sự và được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo, trở thành công dân tốt.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Trong hồ sơ thể hiện, bị hại A không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nhưng bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại Huỳnh Kim A số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0002674 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R.

Đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P-chi nhánh G đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đỏ, số IMEI 1: 86960433507897, số IMEI 2: 861604033507889, gắn thẻ sim số thuê bao 0332236753 là tài sản của bà Đoàn Thị Thanh H nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bà H.

- 02 (hai) chiếc chìa khóa có đặc điểm giống nhau, hiệu “HONGDA” bằng kim loại là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu và tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo Võ Đức T phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2, 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Võ Đức Trọng.

1. Xử phạt: Bị cáo Võ Đức T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Võ Đức T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt ngày 12 tháng 01 năm 2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo Võ Đức T tự nguyện bồi thường cho bị hại Huỳnh Kim A số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0002674 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R.

- Đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P-chi nhánh G đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về vật chứng vụ án:

- Trả lại cho bà Đoàn Thị Thanh H 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đỏ, số IMEI 1: 86960433507897, số IMEI 2: 861604033507889, gắn thẻ sim số thuê bao 0332236753 (tại thời điểm giao nhận điện thoại đã cũ và đã qua sử dụng, máy không khởi động được nên không kiểm tra tình trạng bên trong máy, số IMEI và số thuê bao).

- Tịch thu và tiêu hủy 02 (hai) chiếc chìa khóa có đặc điểm giống nhau, hiệu “HONGDA” bằng kim loại.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng lập ngày 02/6/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố R và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R.)

4. Về án phí: Bị cáo Võ Đức T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo Võ Đức T, bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P-chi nhánh G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Thanh H, anh Võ Thanh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại chị Huỳnh Kim A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng hồ sơ ngH vụ Công an tỉnh Khánh Hòa
- VKSND t.p R;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an t.p R;
- Cơ quan thi hành án hình sự t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Công